

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ Q
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Q, ngày 21 tháng 5 năm 2019.

Số: 75/2019/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q - TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân
và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban
Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án
phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 82/2019/TLST-HNGĐ ngày 13
tháng 5 năm 2019 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con
khi ly hôn*" gồm những người tham gia tố tụng sau:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Chị Nguyễn Thanh T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Khu Lâm Sinh 1, phường M, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

2. Anh Trần Thế N, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Khu Lâm Sinh 1, phường M, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về trình tự thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Q thụ lý và giải quyết
yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con số: 82/2019/TLST-HNGĐ
ngày 13/5/2019 người yêu cầu: Chị Nguyễn Thanh T và anh Trần Thế N là đúng
thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35 của Bộ luật
Tố tụng dân sự và Công văn số: 310/TANDTC-CP của Tòa án nhân dân tối cao ngày
11/10/2018, hướng dẫn nghiệp vụ triển khai thí điểm về đổi mới, tăng cường hòa
giải, đối thoại trong giải quyết các tranh chấp dân sự, khiếu kiện hành chính tại Tòa
án nhân dân.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thanh T và anh Trần Thế N kết hôn
trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thị xã Q, tỉnh
Quảng Ninh vào ngày 11/12/2008; việc kết hôn của chị T và anh N là hôn nhân hợp
pháp nên được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, chị T và anh N sống hòa thuận
hạnh phúc, cho đến giữa năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. N nhân do tính cách hai

bên không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, mặt khác kinh tế gia đình gặp khó khăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên va chạm xúc phạm nhau.

Nay chị T và anh N xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, có tiếp tục chung sống cũng không đem lại hạnh phúc cho nhau. Chị T và anh N cùng thống nhất đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn. Xét thấy, việc chị T và anh N thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh N có 02 (hai) con chung là Trần Đức T1, sinh ngày 02/9/2009 và Trần Thu H , sinh ngày 10/3/2016. Hai bên thỏa thuận chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Thu H . Anh N nuôi dưỡng con chung Trần Đức T1, cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau, nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung không ai được cản trở. Việc thỏa thuận, thống nhất nêu trên của chị T và anh N là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại các Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung và vay nợ: Chị Nguyễn Thanh T và anh Trần Thế N đều xác định vợ chồng không có tài sản chung và không vay nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí việc dân sự: Chị T tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, tài sản và các vấn đề khác do T1 T hòa giải, đối thoại Tòa án nhân dân thị xã Q lập ngày 13 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thanh T và anh Trần Thế N.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thanh T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Thu H , sinh ngày 10/3/2016. Anh Trần Thế N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Đức T1, sinh ngày 02/9/2009 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau nhưng có

quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung không ai được cản trở.

2. Về lệ phí: Chị Nguyễn Thanh T tự nguyện chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0003345 ngày 13/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Chị T đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Q;
- Chi cục THADS thị xã Q;
- UBND phường M;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Điền